

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S-TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76 /DSST

Ngày: 24/9/2024

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Đức

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp kiện đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024 và quyết định hoãn số 134 ngày 05/9/2024.

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C – sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Tổ D, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Đàm Ngọc D và bà Lương Anh T – Nơi cư trú: A N, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/06/2024; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2022 ông D, bà T có thuê ông C xây dựng ngôi nhà tại A N, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hai bên có thỏa thuận bằng miệng và không ký kết hợp đồng xây dựng. Sau khi xây dựng xong căn nhà thì ông D, bà T có nợ lại ông C tiền công xây nhà số tiền là 78.659.000 đồng. Ngày 28/11/2022 ông Đàm Ngọc D có viết giấy hẹn cho ông C với nội dung sẽ thanh toán số tiền trên vào ngày 28/12/2022. Tuy nhiên đến hẹn thì ông bà không thực hiện theo như giấy hẹn. Sau nhiều lần ông C đến nhà yêu cầu ông D, bà T thanh toán số tiền nợ như đã hứa hẹn thì bà Lương Anh T đã viết tiếp cho ông C 01 giấy hẹn với nội dung hẹn trả số tiền vào ngày 07/02/2023. Đến hẹn ông C đến tìm gặp ông D, bà T yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng ông bà tìm cách né tránh đưa ra các lý do để hoãn việc thanh toán số tiền nợ. Đến khoảng giữa năm 2023, ông D bà T trả được cho ông số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 05/02/2024 ông C tiếp tục đến nhà ông D, bà T để yêu cầu thanh toán tiền nợ thì bà Lương Anh T đã viết cho ông C một giấy hẹn với nội dung: giấy hẹn này là giấy hẹn sau cùng và thống nhất số tiền còn nợ ông C là 68.000.000 đồng, hẹn thời

gian trả vào ngày 05/5/2024. Đến nay, ông **D**, bà **T** cố tìm cách né tránh, lấy lý do và không thanh toán số nợ cho ông **C**.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải ông **C** yêu cầu ông **D**, bà **T** trả số tiền 68.659.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, vì giấy hẹn ngày 05/02/2024 bà **Lương Anh T** viết xác nhận số tiền còn nợ ông **C** là 68.000.000 đồng nên ông **C** yêu cầu ông **D**, bà **T** trả một lần toàn bộ số tiền 68.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt do đó không có lời khai cũng như văn bản trình bày trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không chấp hành.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp kiện đòi tiền" của ông **Nguyễn Văn C** đối với ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T**.

Buộc ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** phải trả cho ông **Nguyễn Văn C** một lần toàn bộ số tiền 68.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông **C** không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **D**, bà **T** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp kiện đòi tiền giữa nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** với bị đơn ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** nhưng tại phiên tòa hôm nay ông bà vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** có đơn xin xét xử vắng mặt do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **C** và bà **T**, ông **D**.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vào năm 2022, ông **D**, bà **T** có thuê ông **C** xây dựng ngôi nhà tại **A N, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Sau khi xây dựng xong căn nhà thì ông **D**, bà **T** có nợ lại ông **C** tiền công xây nhà số tiền là 78.659.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ thì đến giữa năm 2023 ông **D** và bà **T** trả được cho ông số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 05/02/2024 bà **Lương Anh T** đã viết xác định số nợ còn lại là 68.000.000 đồng và hẹn vào ngày 05/5/2024 sẽ hoàn trả số nợ trên. Tuy nhiên đến nay, bà **T**, ông **D** vẫn chưa thanh toán số nợ cho ông **C**. Tại phiên tòa ông **C** yêu cầu vợ chồng ông **D**, bà **T**

trả cho ông **C** một lần toàn bộ số tiền 68.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Còn đối với bị đơn ông **D** bà **T** đã được Tòa án mời lên làm việc nhiều lần nhưng ông bà từ chối nhận các văn bản của Tòa án và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông **C**.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc nợ tiền công xây dựng của ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** đối với ông **Nguyễn Văn C** là có thật. Việc các bên ký kết giấy hẹn trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy hẹn trả tiền đã ký kết. Căn cứ theo các giấy hẹn trả nợ mà nguyên đơn cung cấp có đầy đủ chữ ký, chữ viết của ông **Đàm Ngọc D** viết ngày 28/11/2022 và chữ ký, chữ viết của bà **Lương Anh T** viết giấy hẹn ngày 05/02/2024. Việc **D**, bà **T** là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **C**. Do đó yêu cầu của ông **C** buộc ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** phải trả một lần số tiền **68.000.000** đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về tiền lãi: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông **C** không yêu cầu tính tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông **Nguyễn Văn C** được chấp nhận nên ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền 68.000.000 đồng là: $5\% \times 68.000.000 \text{ đồng} = 3.400.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 280 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T1;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp kiện đòi tiền*" của ông **Nguyễn Văn C** đối với ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T**.

Xử:

1. Buộc ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** phải trả một lần cho ông **Nguyễn Văn C** số tiền **68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) ông **Đàm Ngọc D** và bà **Lương Anh T** phải chịu.

Hoàn trả cho ông **Nguyễn Văn C** số tiền tạm ứng án phí 1.700.000 đồng ông **C** đã nộp theo biên lai thu số 0002750 ngày 19/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh